



4754/BC-SYT  
4681/SYT-NVY

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC**  
**PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**  
Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.  
ĐT: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1514-7007 /KQPT/2024



Tên khách hàng : **Công ty Cổ phần Đầu tư CM**  
Địa chỉ : **Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.**  
Địa điểm quan trắc : **Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương - Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**  
Loại mẫu : **Không khí làm việc** Số lượng mẫu: 02  
Mã mẫu : **KLV.241114.01; KLV.241114.02.**  
Ngày lấy mẫu : **14/11/2024** Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				K1-PS2	K2-PS2	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}C$	TCVN 5508:2009/BYT + QCVN 26:2016/BYT	31,2	31,5	18 - 32 <sup>(1)</sup>
2	Độ ẩm	%RH		70,3	70,4	40 - 80 <sup>(1)</sup>
3	Tốc độ gió	m/s		1,2	1,3	0,2 - 1,5 <sup>(1)</sup>
4	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	58,5	57,6	85 <sup>(2)</sup>
5	Bụi toàn phần	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 02 :2019/BYT	0,23	0,26	8 <sup>(3)</sup>
6	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	0,22	0,25	10
7	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT	0,21	0,22	10
8	CO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	CEC/SOP/HT-338	592	587	18.000

### Ghi chú:

#### - Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K1-PS2	Khu vực trong bệnh viện	2308661	0592661
K2-PS2	Khu vực xử lý chất thải	2308688	0592706

#### - Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).
- + <sup>(1)</sup>QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + <sup>(2)</sup>QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + <sup>(3)</sup>QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng sử dụng các phương pháp được công nhận tại văn bản số 4681/SYT-NVY và 4754/BC-SYT của Sở y tế thành phố Hà Nội ngày 25/09/2024 về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

  
Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

  
Nguyễn Hữu Linh

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (\*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 4681/SYT-NVY và báo cáo số 4754/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động



## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2804-7007 / KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM  
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.  
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01  
Mã mẫu : NT.241114.05  
Ngày lấy mẫu : 14/11/2024 Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 28:2010/ BTNMT	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT-PS2	C <sub>max</sub> (Cột A)	C <sub>max</sub> (Cột A)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,80	6,5 – 8,5	5 – 9
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	314	-	600
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	TCVN 6001-1:2008	27	36	36
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	48	60	-
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	40	60	60
6.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,35	6	6
7.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .B&E:2017	4,13	36	36
8.	Phosphat(PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,07	7,2	7,2
9.	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	SMEWW 4500.S <sup>2-</sup> .B&D:2017	0,17	1,2	1,2
10.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,1	12	12
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	0,12	-
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,2)	1,2	-
13.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,3	-	6
14.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.700	3.000	3.000
15.	Salmonella*	Vi	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	-
16.	Shigella*	khuẩn/100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	-
17.	Vibrio cholerae*		SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	-

(\*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.  
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.  
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.  
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng  
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC  
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội  
Điện thoại: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

VIMCERTS 230

**Ghi chú:**

**- Thông tin mẫu:**

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-PS2	Nước thải tại hồ ga cuối của cơ sở	2308649.864	0592786.262

**- Quy chuẩn so sánh:**

+ **QCVN 28:2010/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế  
Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

$C_{max}$ : Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số  $K=1,2$ .

+ **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt).

$C_{max}$ : Nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số  $K=1,2$ .

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

- (\*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

- (\*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty.



## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2808-7007 / KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM  
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.  
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02  
Mã mẫu : KXQ.241114.03; KXQ.241114.04.  
Ngày lấy mẫu : 14/11/2024 Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2023/BTNMT
				K3-PS2	K4-PS2	
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}C$	QCV 46:2012/BTNMT	33,1	32,3	-
2.	Độ ẩm	%RH		72,5	73,2	-
3.	Tốc độ gió	m/s		1,4	1,3	-
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,3	62,0	70 <sup>(1)</sup>
5.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/Nm^3$	TCVN 5067:1995	56	59	300
6.	SO <sub>2</sub>	$\mu g/Nm^3$	MASA Method 704.A	<140 <sup>a</sup>	<140 <sup>a</sup>	350
7.	NO <sub>2</sub>	$\mu g/Nm^3$	TCVN 6137:2009	81	76	200

### Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2	2308654	0592745

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 01 giờ)

+ <sup>(1)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Hữu Linh

## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2812 - 7007 / KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM  
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng  
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01  
Mã mẫu : KT.241114.06  
Ngày lấy mẫu : 14/11/2024 Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT-PS2	
1.	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	US.EPA Method 2	2.756	-
2.	Bụi (PM)	mg/Nm <sup>3</sup>	US.EPA Method 5	58	200
3.	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 7242:2003	158	1.000
4.	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	US.EPA Method 8	92	500
5.	NO <sub>x</sub> (NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 7172:2002	114	850

### Ghi chú:

#### - Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT-PS2	Khí thải lò hơi	2308684	0592716

#### - Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh





4754/BC-SYT  
4681/SYT-NVY

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC  
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.  
ĐT: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1516 - 7007 /KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM  
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng. **VILAS 1222**  
Địa điểm quan trắc : **Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương** – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 03  
Ngày lấy mẫu : 14/11/2024 Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 29:2016/BYT
				K5-PS2		
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	0,171		$10^{(1)}$

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 29:2016/BYT
				K6-PS2	K7-PS2	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	0,175	0,233	$0,5^{(2)}$

### Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K5-PS2	Khu vực phòng Xquang	2308671	0592666
K6-PS2	Khu vực lân cận cách 20m	2308667	0592664
K7-PS2	Khu vực lân cận cách 50m	2308661	0592661

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 29:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bức xạ ion hóa - giới hạn liều tiếp xúc bức xạ ion hóa tại nơi làm việc.

(1): Trong phòng điều khiển hoặc nơi đặt tủ điều khiển của thiết bị phát bức xạ

(2): Các vị trí ngoài phòng đặt thiết bị (nơi công chúng đi lại, người ngồi chờ, các phòng làm việc lân cận)

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (\*).  
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.  
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng  
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty  
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 4681/SYT-NVY và báo cáo số 4754/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 01



4754/BC-SYT  
4681/SYT-NVY

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC  
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.  
ĐT: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: L515-7007 /KOPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM  
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.  
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng  
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 03  
Ngày lấy mẫu : 14/11/2024 Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	
				K3-PS2	K4-PS2
1	CO <sub>2</sub> #	mg/m <sup>3</sup>	CEC/SOP/HT-338	540	531

### Ghi chú:

#### - Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2	2308654	0592745

- "#": Kết quả chỉ mang tính tham khảo. Thông số thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và không được quy định tại thông tư 10:2021/TT-BTNMT.

- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng sử dụng các phương pháp được công nhận tại văn bản số 4681/SYT-NVY và 4754/BC-SYT của Sở y tế thành phố Hà Nội ngày 25/09/2024 về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Hữu Linh

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (\*).  
- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm.  
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng  
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty  
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 4681/SYT-NVY và báo cáo số 4754/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.